

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 46

151 - 025 x 14

151 - 025 x 14

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 4 năm 2018, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác như sau:

- ▶ Chi nhánh Chợ Lớn: Tầng 1, 86 Tân Đà, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Chi nhánh Phú Nhuận: Tầng 1, Tòa nhà Tân Hà Phan, 465 Phan Xích Long, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Chi nhánh An Giang: Tầng 3, TTTM Nguyễn Huệ, 9/9 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- ▶ Chi nhánh Đồng Nai: Tầng 3, Phòng 303, Tòa nhà NK, 208D Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; và
- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 3A-06, Tòa Nhà Horison, Số 40 Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.056.110.000.000 VND và tổng tài sản là 2.347.081.261.571 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Mohamad Yasin Bin Abdullah	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Bà Che Zakiah Binti Che Din	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Ông Rajiv Vijendran	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Ông Lok Eng Hong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Ông Ronnie Royston Fernandez	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Ông Goh Cho Kiat Jeffrey	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Che Zakiah Binti Che Din	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Ông Malique Firdauz Bin Ahmad Sidique	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Bà Trần Ngọc Như Hiền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Tô Quốc Tuấn	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 9 năm 2019
Ông Trần Châu Tiến	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Gia Vinh	Giám đốc Khối ngân hàng đầu tư	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2017
Bà Lê Hồng Liên	Giám đốc Khối nghiên cứu phân tích khách hàng tổ chức	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 2020
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Kim Thiên Quang, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021

Số tham chiếu: 60994674/22196163

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty"), được lập ngày 9 tháng 2 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

11.7.2021



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thủy Dương
Phó Tổng Giám Đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1

Nguyễn Đăng Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4415-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.295.805.218.081	1.944.656.437.199
110	I. Tài sản tài chính		2.293.426.289.183	1.942.352.311.439
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	148.463.942.745	133.946.184.149
111.1	1.1 Tiền		98.463.942.745	73.946.184.149
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	60.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6.1	3.375.030	2.977.010
114	3. Các khoản cho vay	6.2	2.104.399.987.781	1.793.576.529.568
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6.3	(3.342.102.022)	(3.392.102.022)
117	5. Các khoản phải thu	7	15.263.556.121	16.018.114.439
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		517.500	-
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		15.263.038.621	16.018.114.439
117.4	5.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		15.263.038.621	16.018.114.439
118	6. Trả trước cho người bán	7	38.378.358	601.022.500
119	7. Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	7	28.509.402.709	1.356.418.114
122	8. Các khoản phải thu khác	7	205.048.856	448.280.576
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		(115.300.395)	(205.112.895)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	8	2.378.928.898	2.304.125.760
131	1. Tạm ứng		33.500.000	125.139.773
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.345.428.898	2.178.985.987
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		51.276.043.490	57.275.291.199
220	I. Tài sản cố định		15.894.436.944	16.208.319.809
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	10.789.457.133	13.801.823.513
222	- Nguyên giá		53.507.801.392	54.562.758.791
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.718.344.259)	(40.760.935.278)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	5.104.979.811	2.406.496.296
228	- Nguyên giá		29.807.134.235	25.400.661.235
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.702.154.424)	(22.994.164.939)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		144.000.000	4.584.229.000
250	III. Tài sản dài hạn khác		35.237.606.546	36.482.742.390
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		3.255.088.737	3.255.088.737
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.964.330.786	3.225.736.697
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12	-	1.916.956
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	30.018.187.023	30.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.347.081.261.571	2.001.931.728.398

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		914.365.694.931	674.124.806.428
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		914.239.905.548	674.067.287.203
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		855.736.090.000	646.656.800.000
312	1.1 Vay ngắn hạn	14	855.736.090.000	646.656.800.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		38.042.096	516.000
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	15	6.820.171.346	2.589.711.138
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		280.332.000	330.332.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	21.388.214.655	4.859.425.615
323	6. Phải trả người lao động		22.614.598.258	13.999.146.234
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	316.210.932
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	7.337.991.270	5.233.801.760
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		24.465.923	81.343.524
340	II. Nợ phải trả dài hạn		125.789.383	57.519.225
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18	125.789.383	57.519.225
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	1.432.715.566.640	1.327.806.921.970
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.432.715.566.640	1.327.806.921.970
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.056.110.000.000	1.056.110.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		20.197.458.918	14.952.026.685
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		20.197.458.919	14.952.026.685
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		336.210.648.803	241.792.868.600
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		336.209.264.221	241.768.818.230
417.2	4.2 Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		1.384.582	24.050.370
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.347.081.261.571	2.001.931.728.398

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	1. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ) USD SGD	20.1	175.388,28 811,30	183.219,68 1.799,88
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Công ty	20.2	1.120.000	630.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	20.3	8.279.545.180.000	8.684.463.610.000
021.1	- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		7.745.447.510.000	8.431.799.310.000
021.2	- Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		171.514.750.000	42.354.910.000
021.3	- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		65.450.000.000	111.517.200.000
021.5	- Tài sản tài chính chờ thanh toán		297.132.920.000	98.792.190.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	20.4	1.683.994.910.000	1.578.650.080.000
022.1	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.374.784.600.000	1.344.390.870.000
022.2	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		242.102.600.000	227.259.210.000
022.3	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		67.107.710.000	7.000.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	20.5	215.967.440.000	89.159.820.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	4. Tiền gửi của khách hàng	20.6	924.693.477.941	256.563.119.621
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		433.128.339.491	131.333.951.021
028	4.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		215.916.499.562	92.957.287.150
029	4.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		275.648.638.888	32.271.881.450
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		271.976.890.753	31.978.543.476
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài		3.671.748.135	293.337.974
031	5. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	20.7	924.693.339.597	256.561.752.912
031.1	5.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		863.088.914.331	192.039.377.830
031.2	5.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		61.604.425.266	64.522.375.082
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	20.7	138.344	1.366.709

Người lập:



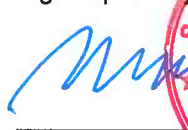
Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21.1	20.357.945.327	4.258.418.879
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		1.122.136.364	143.102.557
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		1.104.123	1.720.055
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		19.234.704.840	4.113.596.267
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	21.1	157.138.702.320	172.667.254.113
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	21.2	152.230.742.634	101.097.873.302
08	4. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	21.2	158.000.000	-
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	21.2	4.725.117.424	5.513.391.495
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	21.2	35.129.783.257	382.600.000
11	7. Thu nhập hoạt động khác	21.2	6.528.376.185	7.689.234.164
20	Cộng doanh thu hoạt động		376.268.667.147	291.608.771.953
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		1.048.100	1.472.404
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL		-	328.949
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		1.048.100	1.143.455
24	2. Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	22	22.845.712.903	28.404.218.833
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23	114.342.058.319	84.727.505.985
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		7.822.999.682	6.558.639.783
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		7.539.007.082	9.314.927.574
40	Cộng chi phí hoạt động		152.550.826.086	129.006.764.579
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		106.684.454	53.509.170
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		2.403.934.333	3.007.066.175
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	24	2.510.618.787	3.060.575.345

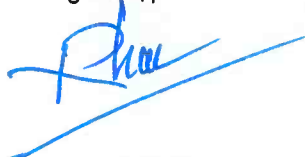
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-CTCK

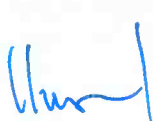
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		29.850.620	28.770.123
60	Cộng chi phí tài chính		29.850.620	28.770.123
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	25	94.813.923.942	80.131.098.615
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		131.384.685.286	85.502.713.981
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		50.000.000	502.490.909
72	2. Chi phí khác		7.866.668	1.719.666
80	Cộng kết quả hoạt động khác		42.133.332	500.771.243
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		131.426.818.618	86.003.485.224
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		131.425.434.036	85.979.434.854
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		1.384.582	24.050.370
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	26	26.518.173.948	17.274.541.507
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		26.447.986.834	17.033.696.487
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		70.187.114	240.845.020
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		104.908.644.670	68.728.943.717
400	Tổng thu nhập toàn diện		104.908.644.670	68.728.943.717

Người lập:



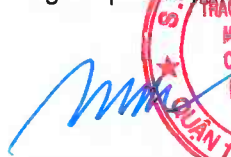
Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



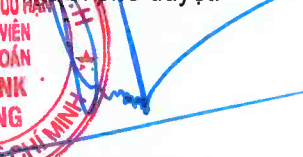
Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		131.426.818.618	86.003.485.224
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(7.886.746.694)	10.874.936.989
03	- Khấu hao tài sản cố định	9,10	6.219.218.197	6.270.583.748
04	- Các khoản dự phòng		(139.812.500)	(410.187.500)
07	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(21.638.639.173)	(7.247.673.897)
08	- Dự thu tiền lãi		(15.263.038.621)	(16.018.114.439)
09	- Các khoản điều chỉnh khác		22.935.525.403	28.280.329.077
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		(1.048.100)	(1.143.455)
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(1.048.100)	(1.143.455)
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		1.104.123	1.720.055
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		1.104.123	1.720.055
30	5. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(338.275.192.192)	(518.768.373.397)
31	Tăng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL		(454.043)	(3.292.610)
33	Tăng các khoản cho vay		(310.823.458.213)	(470.973.511.710)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		16.017.596.939	12.181.194.880
37	(Tăng)/giảm các khoản phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(27.152.984.595)	1.083.892.422
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		805.875.862	(904.653.323)
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		73.452.750	(10.102.931.060)
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		1.956.607.029	248.304.334
42	Giảm chi phí trả trước		1.094.963.000	1.450.759.456
43	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(17.641.679.998)	(15.565.198.639)
44	Lãi vay đã trả		(22.787.942.922)	(28.314.406.333)
45	Tăng phải trả người bán		4.230.460.208	2.136.866.978
46	(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(316.210.932)	316.210.932
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		7.722.482.204	(364.385.089)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		8.615.452.024	(10.026.580.437)
50	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(69.351.505)	69.356.802
60	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(214.735.064.245)	(421.889.374.584)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.465.106.332)	(9.919.941.045)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		-	2.490.909
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		21.638.639.173	7.245.182.988
70	Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		20.173.532.841	(2.672.267.148)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
73	Tiền vay gốc	14	5.325.617.580.000	5.206.691.980.000
73.2	Tiền vay khác		5.325.617.580.000	5.206.691.980.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	14	(5.116.538.290.000)	(4.932.745.180.000)
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác		(5.116.538.290.000)	(4.932.745.180.000)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		209.079.290.000	273.946.800.000
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		14.517.758.596	(150.614.841.732)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	133.946.184.149	284.561.025.881
101.1	Tiền		73.946.184.149	134.561.025.881
101.2	Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	150.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	148.463.942.745	133.946.184.149
103.1	Tiền		98.463.942.745	73.946.184.149
103.2	Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	60.000.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03b-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

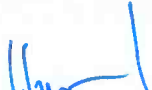
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		27.922.636.909.402	18.552.001.572.129
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(26.874.528.187.353)	(18.346.258.424.894)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		31.674.474.503.158	20.958.431.519.082
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(32.049.727.749.463)	(21.151.750.044.579)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(4.725.117.424)	(5.513.391.495)
20	Tăng tiền thuần trong năm		668.130.358.320	6.911.230.243
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	20.6	256.563.119.621	249.651.889.378
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		256.563.119.621	249.651.889.378
32	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		131.333.951.021	187.321.346.078
33	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		92.957.287.150	44.387.679.321
34	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		32.271.881.450	17.942.863.979
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	20.6	924.693.477.941	256.563.119.621
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		924.693.477.941	256.563.119.621
42	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		433.128.339.491	131.333.951.021
43	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		215.916.499.562	92.957.287.150
44	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		275.648.638.888	32.271.881.450

Người lập:



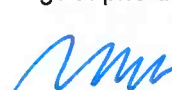
Nguyễn Thị Minh Hồng
 Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

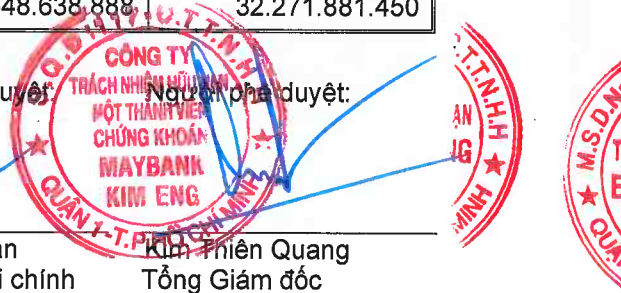


Tô Quốc Tuấn
 Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
 Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

B04-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
	Ngày 01/01/2019 VND	Ngày 01/01/2020 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2019 VND	Ngày 31/12/2020 VND
			Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu								
- Vốn pháp định	1.056.110.000.000	1.056.110.000.000	-	-	-	-	1.056.110.000.000	1.056.110.000.000
- Vốn bổ sung	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
- Vốn dự trữ bổ sung vốn điều lệ	806.110.000.000	806.110.000.000	-	-	-	-	806.110.000.000	806.110.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	11.515.579.503	14.952.026.685	3.436.447.182	-	5.245.432.233	-	14.952.026.685	20.197.458.918
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	11.515.579.499	14.952.026.685	3.436.447.186	-	5.245.432.234	-	14.952.026.685	20.197.458.919
4. Lợi nhuận chưa phân phối	179.936.819.251	241.792.868.600	68.728.943.717	(6.872.894.368)	104.908.644.670	(10.490.864.467)	241.792.868.600	336.210.648.803
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	179.852.534.485	241.768.818.230	68.704.893.347	(6.788.609.602)	104.907.260.088	(10.466.814.097)	241.768.818.230	336.209.264.221
- Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	84.284.766	24.050.370	24.050.370	(84.284.766)	1.384.582	(24.050.370)	24.050.370	1.384.582
TỔNG CỘNG	1.259.077.978.253	1.327.806.921.970	75.601.838.085	(6.872.894.368)	115.399.509.137	(10.490.864.467)	1.327.806.921.970	1.432.715.566.640

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 4 năm 2018, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 177 người (31 tháng 12 năm 2019: 172 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.056.110.000.000 VND và tổng tài sản là 2.347.081.261.571 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 ***Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản cho vay (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên thời gian quá hạn của các khoản cho vay theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC như đã trình bày ở *Thuyết minh 3.8* hoặc dựa trên dự phòng ước tính từ việc không chắc chắn về khả năng thu hồi của những khoản cho vay đó.

3.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích lập dự phòng giảm giá chứng khoán, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC và Thông tư 48/2019/TT-BTC.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

3.6 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại. Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

3.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.10 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm tin học	5 năm

3.11 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ một (1) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.13 Các khoản vay

Các khoản vay được được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lợi ích của nhân viên

3.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.15.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác.

3.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán và chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối (tiếp theo)

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau :

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ còn lại do tổ chức tự quyết định.

3.21 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	56.116.134	56.471.065
- Tiền gửi cho hoạt động của Công ty	85.489.687.932	73.755.915.476
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	12.918.138.679	133.797.608
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	50.000.000.000	60.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>148.463.942.745</u>	<u>133.946.184.149</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại với mức lãi suất là 4,00%/năm.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Năm nay</i>		<i>Năm trước</i>	
	<i>Khối lượng (đơn vị)</i>	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>Khối lượng (đơn vị)</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
a. Công ty				
- Cổ phiếu	10.180.987	344.786.789.987	2.383.645	43.821.138.622
b. Nhà đầu tư				
- Cổ phiếu	3.752.528.272	55.738.011.231.675	2.319.960.457	37.051.554.800.148
TỔNG CỘNG	3.762.709.259	56.082.798.021.662	2.322.344.102	37.095.375.938.770

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	2.742.407	3.375.030	2.400.410	2.977.010

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
1. Hoạt động cho vay ký quỹ	1.920.554.807.820	(3.342.102.022)	1.917.212.705.798	1.741.006.386.629
2. Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	183.845.179.961	-	183.845.179.961	52.570.142.939
TỔNG CỘNG	2.104.399.987.781	(3.342.102.022)	2.101.057.885.759	(3.392.102.022)
				1.737.614.284.607
				1.790.184.427.546

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số đầu năm	3.392.102.022	4.121.903.023
Hoàn nhập trong năm	(50.000.000)	(500.000.000)
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro trong năm	-	(229.801.001)
Số cuối năm	3.342.102.022	3.392.102.022

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	28.509.402.709	1.356.418.114
- Phải thu phí tư vấn và tổ chức đấu giá	25.355.000.000	179.625.000
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	1.939.205.484	766.642.311
- Phải thu phí môi giới	1.215.197.225	410.150.803
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	15.263.038.621	16.018.114.439
- Dự thu lãi cho vay hoạt động ký quỹ	14.839.527.980	15.834.752.512
- Dự thu lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	297.264.066	55.964.668
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	126.246.575	127.397.259
Trả trước cho người bán	38.378.358	601.022.500
Khoản phải thu bán các tài sản tài chính	517.500	-
Các khoản phải thu khác	205.048.856	448.280.576
	44.016.386.044	18.423.835.629
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác	(115.300.395)	(205.112.895)
TỔNG CỘNG	43.901.085.649	18.218.722.734

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	33.500.000	125.139.773
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.345.428.898	2.178.985.987
- Chi phí bảo trì hệ thống	1.856.904.007	1.582.669.871
- Trả trước tiền thuê văn phòng	234.020.376	237.620.376
- Chi phí vật dụng văn phòng	44.987.774	53.873.604
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	209.516.741	304.822.136
TỔNG CỘNG	2.378.928.898	2.304.125.760

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	50.556.682.724	3.052.011.905	954.064.162	54.562.758.791
Mua trong năm	1.506.729.000	-	-	1.506.729.000
Thanh lý, nhượng bán	(2.561.686.399)	-	-	(2.561.686.399)
Số cuối năm	49.501.725.325	3.052.011.905	954.064.162	53.507.801.392
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	36.817.587.628	3.052.011.905	891.335.745	40.760.935.278
Tăng trong năm	4.492.275.712	-	18.953.000	4.511.228.712
Thanh lý, nhượng bán	(2.553.819.731)	-	-	(2.553.819.731)
Số cuối năm	38.756.043.609	3.052.011.905	910.288.745	42.718.344.259
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	13.739.095.096	-	62.728.417	13.801.823.513
Số cuối năm	10.745.681.716	-	43.775.417	10.789.457.133

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 37.930.183.986 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 31.497.583.022 đồng).

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm tin học VND</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm	25.400.661.235
Mua mới trong năm	4.406.473.000
Số dư cuối năm	29.807.134.235
Hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	22.994.164.939
Tăng trong năm	1.707.989.485
Số cuối năm	24.702.154.424
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.406.496.296
Số cuối năm	5.104.979.811

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 19.316.946.518 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 16.567.836.818 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Bảo trì hệ thống	1.837.281.014	2.682.915.500
Chi phí cải tạo văn phòng	127.049.772	542.821.197
TỔNG CỘNG	1.964.330.786	3.225.736.697

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ	-	1.916.956

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do sự khác nhau trong việc trích lập dự phòng giữa chính sách kế toán của công ty và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)

Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ	-	1.916.956	(1.916.956)	(233.821.864)

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ và tiền đóng góp vào Quỹ bù trừ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với Thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ, với mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

Biến động tiền nộp quỹ trong năm như sau:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Số dư đầu năm	30.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nộp bổ sung trong năm	18.187.023	10.000.000.000
Số dư cuối năm	30.018.187.023	30.000.000.000

14. VAY NGẮN HẠN

	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Số vay trong năm VND</i>	<i>Số đã trả trong năm VND</i>	<i>Số cuối năm VND</i>
Vay ngắn hạn	646.656.800.000	5.325.617.580.000	(5.116.538.290.000)	855.736.090.000

Đây là các khoản vay tín chấp ngắn hạn gốc ngoại tệ từ tổ chức nước ngoài với mức lãi suất 2,10 – 2,15%/năm nhằm tài trợ cho các hoạt động hàng ngày của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh 27.1)	6.753.466.002	389.141.399
Các khoản phải trả khác	66.705.344	2.200.569.739
TỔNG CỘNG	<u>6.820.171.346</u>	<u>2.589.711.138</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	<u>Số đầu năm</u> VND	<u>Số phải nộp</u> <u>trong năm</u> VND	<u>Số đã nộp</u> <u>trong năm</u> VND	<u>Số cuối năm</u> VND
1	Thuế thu nhập cá nhân	2.254.856.118	47.515.284.518	(44.134.542.103)	5.635.598.533
	- Cửa nhân viên Công ty	792.919.608	19.232.309.034	(18.655.469.888)	1.369.758.754
	- Cửa nhà đầu tư cá nhân	1.461.936.510	28.282.975.484	(25.479.072.215)	4.265.839.779
2	Thuế nhà thầu	199.203.048	3.712.136.650	(2.871.676.132)	1.039.663.566
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.322.255.006	48.813.055.679	(38.569.715.371)	12.565.595.314
	- Cửa Công ty	1.647.102.469	26.447.986.834	(17.641.679.998)	10.453.409.305
	- Cửa nhà đầu tư tổ chức	675.152.537	22.365.068.845	(20.928.035.373)	2.112.186.009
4	Thuế môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-
5	Thuế giá trị gia tăng	83.111.443	4.293.862.141	(2.229.616.342)	2.147.357.242
	TỔNG CỘNG	<u>4.859.425.615</u>	<u>104.342.338.988</u>	<u>(87.813.549.948)</u>	<u>21.388.214.655</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chi phí giao dịch	3.392.845.096	1.491.822.268
Chi phí trích trước	1.855.394.407	1.739.958.443
Lãi vay phải trả	892.438.901	1.040.021.382
Phí dịch vụ chuyên môn	846.850.094	580.129.660
Chi phí lưu ký	350.462.772	381.870.007
TỔNG CỘNG	<u>7.337.991.270</u>	<u>5.233.801.760</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Khấu hao tài sản cố định	125.789.383	57.519.225

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác biệt giữa tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Quyết định số 1173/2013 ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

Chi tiết biến động khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm như sau:

	<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>Số dư cuối năm</i> VND	<i>Số dư đầu năm</i> VND	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Khấu hao tài sản cố định	125.789.383	57.519.225	(68.270.158)	(7.023.156)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quý dự trữ vốn điều lệ VND	Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghịệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	1.056.110.000.000	14.952.026.685	14.952.026.685	241.792.868.600	1.327.806.921.970
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	104.908.644.670	104.908.644.670
- Trích quỹ trong năm	-	5.245.432.233	5.245.432.234	(10.490.864.467)	-
Số cuối năm	1.056.110.000.000	20.197.458.918	20.197.458.919	336.210.648.803	1.432.715.566.640

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

20.1 Ngoại tệ các loại của Công ty (nguyên tệ)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
USD	175.388,28	183.219,68
SGD	811,30	1.799,88

20.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán (VSD) của Công ty

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.120.000	630.000

20.3 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	7.745.447.510.000	8.431.799.310.000
- Cổ phiếu	7.745.447.510.000	8.431.799.310.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	171.514.750.000	42.354.910.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	65.450.000.000	111.517.200.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	297.132.920.000	98.792.190.000
TỔNG CỘNG	8.279.545.180.000	8.684.463.610.000

20.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.374.784.600.000	1.344.390.870.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	242.102.600.000	227.259.210.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	67.107.710.000	7.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.683.994.910.000	1.578.650.080.000

20.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Cổ phiếu	215.967.440.000	89.159.820.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

20.6 Tiền của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	433.128.339.491	131.333.951.021
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	382.817.833.225	80.707.806.439
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	50.310.506.266	50.626.144.582
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	215.916.499.562	92.957.287.150
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	207.861.508.697	79.354.394.624
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	8.054.990.865	13.602.892.526
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	275.648.638.888	32.271.881.450
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	271.976.890.753	31.978.543.476
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	3.671.748.135	293.337.974
TỔNG CỘNG	924.693.477.941	256.563.119.621

20.7 Phải trả nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	924.693.339.597	256.561.752.912
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	863.088.914.331	192.039.377.830
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	61.604.425.266	64.522.375.082
Phải trả cổ tức cho Nhà đầu tư	138.344	1.366.709
TỔNG CỘNG	924.693.477.941	256.563.119.621

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

21.1 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	20.357.945.327	4.258.418.879
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	19.234.608.212	4.113.473.967
- Cổ tức	96.628	122.300
- Các khoản khác	1.123.240.487	144.822.612
Từ các khoản cho vay và phải thu	157.138.702.320	172.667.254.113
- Tiền lãi cho vay ký quỹ	153.388.252.199	170.202.921.643
- Tiền lãi cho vay ứng trước tiền bán	3.750.450.121	2.464.332.470
TỔNG CỘNG	177.496.647.647	176.925.672.992

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

21.2 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	152.230.742.634	101.097.873.302
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	35.129.783.257	382.600.000
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	4.725.117.424	5.513.391.495
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	158.000.000	-
Doanh thu khác	6.528.376.185	7.689.234.164
- <i>Từ phí nghiên cứu và các hoạt động khác</i>	6.528.376.185	7.689.234.164
TỔNG CỘNG	198.772.019.500	114.683.098.961

22. CHI PHÍ LÃI VAY, LỖ TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay cho hoạt động ký quỹ	22.935.525.403	28.314.406.333
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác	(89.812.500)	89.812.500
TỔNG CỘNG	22.845.712.903	28.404.218.833

23. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.525.301.865	40.751.286.994
Lương và các khoản phúc lợi	53.152.057.627	40.901.300.055
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.630.404.101	2.306.084.751
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	918.857.075	625.429.687
Chi phí công cụ, dụng cụ	70.938.401	92.116.648
Chi phí văn phòng phẩm	44.499.250	51.287.850
TỔNG CỘNG	114.342.058.319	84.727.505.985

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu lãi tiền gửi không cố định	2.403.934.333	3.007.066.175
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	106.684.454	53.509.170
TỔNG CỘNG	2.510.618.787	3.060.575.345

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lương và các khoản phúc lợi	57.850.102.556	43.348.699.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.131.567.557	25.657.323.801
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	5.288.254.310	5.644.316.814
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	5.268.401.365	4.864.966.628
Chi phí công cụ, dụng cụ	164.293.730	394.903.216
Chi phí văn phòng phẩm	91.392.631	110.106.717
Chi phí khác	19.911.793	110.782.093
TỔNG CỘNG	94.813.923.942	80.131.098.615

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế suất thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN trong năm và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận trước thuế	131.426.818.618	86.003.485.224
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	26.285.363.724	17.200.697.045
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	215.650.550	163.151.438
- Điều chỉnh khác	9.416.581	25.582.454
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
- Thu nhập không chịu thuế và chênh lệch tạm thời chịu thuế những năm trước	(62.444.021)	(229.603.223)
- Điều chỉnh thuế TNDN trong những năm trước	-	(126.131.227)
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	26.447.986.834	17.033.696.487

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại trong năm được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 18)	68.270.158	7.023.156
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 12)	1.916.956	233.821.864
TỔNG CỘNG	70.187.114	240.845.020

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

27.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Maybank Kim Eng Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay	2.508.712.530.000	695.844.500.000
		Trả gốc vay	2.000.820.940.000	348.000.000.000
		Lãi vay đã trả	4.806.065.307	988.017.775
		Trích trước lãi vay	847.259.617	891.834.648
Maybank international Labuan Branch	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay	2.776.905.050.000	4.210.847.480.000
		Trả gốc vay	3.055.717.350.000	4.234.745.180.000
		Lãi vay đã trả	8.386.600.446	17.168.275.082
		Trích trước lãi vay	-	108.041.203
Maybank Kim Eng Securities Pte. Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phí hoa hồng đã trả	9.742.938.293	5.893.886.431
		Trích trước phí hoa hồng	5.911.501.973	431.181.605
		Thu phí hoa hồng	80.296.688	-
		Doanh thu thu xếp vốn	36.915.417	-
		Thu phí môi giới	453.987.365	217.156.954

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ	6.392.758.965	1.856.680.000
		Trích trước phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ	87.542.299	648.706.897
		Phí ngân hàng	72.159.933	9.497.430
		Thu lãi tiền gửi	2.076.398	3.142.680
Maybank Kim Eng Research Pte. Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Thu phí nghiên cứu	6.528.376.185	7.689.234.164
		Trả phí nghiên cứu	3.317.849.685	2.325.447.129
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ	-	5.472.262.500
Maybank Investment Bank Berhad	Công ty con của Công ty chủ quản cao nhất	Trả phí thông tin	592.502.707	-
Ban Tổng Giám đốc		Thu nhập	15.519.976.046	17.126.139.676

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Maybank Kim Eng Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay	(855.736.090.000)	(347.844.500.000)
		Lãi vay phải trả	(804.896.602)	(891.834.648)
Maybank International Labuan Branch	Công ty con của công ty chủ quản cao nhất	Vay	-	(278.812.300.000)
		Lãi vay phải trả	-	(108.041.203)

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Maybank Kim Eng Securities Pte.Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phí hoa hồng phải trả Phải thu phí thu xếp vốn Phải trả khác	(5.335.130.532) 40.606.959 (855.457.898)	(389.141.399) - -
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của công ty chủ quản cấp cao nhất	Tiền gửi tại ngân hàng Phải trả dịch vụ hoán đổi tiền tệ	- (87.542.299)	741.537.330 -
Maybank Kim Eng Securities (Thailand) Public Company Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phải trả tiền bán cuối tháng	(1.226.241.212)	-
Maybank Investment Bank Berhad	Công ty con của Công ty chủ quản cao nhất	Phải trả phí thông tin	(562.877.572)	-

27.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đến 1 năm	9.163.585.990	13.429.464.553
Từ 1 - 5 năm	2.480.476.380	11.106.745.839
	11.644.062.370	24.536.210.392

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh 6*, Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		
Tiền gửi	50.000.000.000	-	-	-	-	-	50.000.000.000
Các khoản cho vay	2.101.057.885.759	-	-	-	-	3.342.102.022	2.104.399.987.781
Tài sản tài chính khác	43.901.085.649	-	-	-	-	115.300.395	44.016.386.044
TỔNG CỘNG	2.194.958.971.408	-	-	-	-	3.457.402.417	2.198.416.373.825

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính						
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	3.375.030	-	-	3.375.030
Các khoản cho vay	3.342.102.022	-	2.101.057.885.759	-	-	2.104.399.987.781
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	28.509.402.709	-	-	28.509.402.709
Các khoản phải thu khác	115.300.395	-	15.391.682.940	-	-	15.506.983.335
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	98.463.942.745	50.000.000.000	-	-	148.463.942.745
TỔNG CỘNG	3.457.402.417	98.463.942.745	2.194.962.346.438	-	-	2.296.883.691.600
Nợ tài chính						
Vay và nợ tài chính ngắn hạn	-	-	855.736.090.000	-	-	855.736.090.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	38.042.096	-	-	38.042.096
Phải trả người bán	-	-	6.820.171.346	-	-	6.820.171.346
Chi phí phải trả	-	-	7.337.991.270	-	-	7.337.991.270
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	304.797.923	-	-	304.797.923
TỔNG CỘNG	-	-	870.237.092.635	-	-	870.237.092.635
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	3.457.402.417	98.463.942.745	1.324.725.253.803	-	-	1.426.646.598.965

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Quản trị nguồn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 1.960%.

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



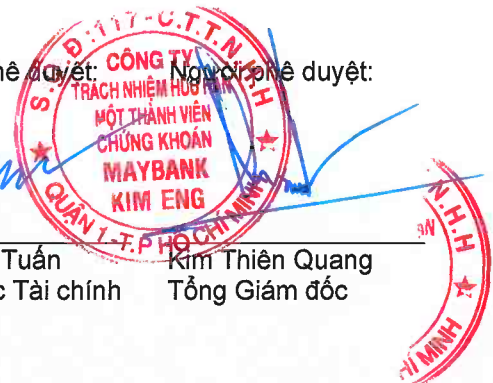
Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021

